

Số: 33/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Tuấn Anh.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Văn Hành – Thư ký Tòa án nhân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên họp: Ông Trần Tấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-LĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 47/2024/QĐST-LĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị Út E, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Công ty TNHH Cocreation Grass Corporation Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 10-1 Đường N8, khu công nghiệp Đ, xã T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông J, chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc (Vắng mặt).

3. Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Số 03, đường LBT, khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Hồng T1, chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Nguyễn Thị D trình bày:

Tháng 8-2019 chị có cho chị Phan Thị Út E là di ruột của chị mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH G Việt Nam và chị Em được Công ty TNHH G Việt Nam tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ cấp lần đầu: 7222715634 từ tháng 9-2019 đến tháng 02-2021 chị E nghỉ việc mà không làm hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội. Trong khi đó, năm 2021 chị được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH G1 và chị được Công ty TNHH G1 tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ cấp lần 02: 7222715634 từ tháng 7-2021. Chị tham gia bảo hiểm xã hội dựa trên sổ bảo hiểm xã hội như trên cho đến hết tháng 8-2023. Sau khi nghỉ việc chị đã thực hiện các thủ tục để được nhận các khoản tiền bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội: 7222715634 thì bị từ chối do quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9-2019 đến tháng 02-2021 là 18 tháng không phải do chị tham gia đóng bảo hiểm. Do đó, chị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị E (đứng dưới tên Nguyễn Thị D) với Công ty TNHH G Việt Nam vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Út E: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị E để thu thập chứng cứ nhưng chị Em không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại Văn bản số: 02/CV-CCG ngày 10-6-2024 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH G Việt Nam là ông J trình bày:

Ngày 16-7-2019 chị D được nhận làm việc tại Công ty TNHH G Việt Nam cho đến ngày 13-3-2021 chị D nghỉ việc. Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho chị D từ tháng 9-2019 đến tháng 02-2021. Hiện tại tờ rời đóng bảo hiểm xã hội số sổ: 7222715634 từ tháng 01-2020 đến tháng 02-2021 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của chị D vẫn còn tại Công ty. Riêng tờ rời đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9-2019 đến tháng 12-2019 Công ty đã phát cho người lao động. Cho đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa liên lạc được với chị D để tiến hành trả hồ sơ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định. Nay chị Diễm yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động mang tên chị D (do chị E ký kết) với Công ty vô hiệu thì Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số: 917/BHXXH-BTXXTB ngày 20-5-2024 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Tây Ninh là bà Lâm Thị Hồng T1 trình bày:

Bảo hiểm xã hội thị xã Trảng Bàng cung cấp quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của chị Diễm với mã số bảo hiểm xã hội: 7222715634 và thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Diễm vào quỹ hưu trí, tử tuất, quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 02-2021 là 01 năm 6 tháng. Kiến nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Diễm và TNHH Cocreation Grass Corporation Việt Nam vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là ông Trần Tấn Anh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và đương sự chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 117, 127 của Bộ luật Dân sự; các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị D. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị E và Công ty TNHH G Việt Nam ký dưới tên chị D là vô hiệu.

2. Chị D phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

“Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 và điểm d khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH G Việt Nam có địa chỉ trụ sở chính tại: Lô 10-1 Đường N8, khu công nghiệp Đ, xã T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị D, ông J và bà T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Riêng chị E đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Vì vậy, Thẩm phán vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị D, chị E, ông J và bà T1 là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Chị D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị D (do chị E sử dụng giấy chứng minh nhân dân của chị D để ký kết) với Công ty TNHH G Việt Nam vô hiệu:

[2.1] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ việc chị D cho rằng chị E mượn giấy chứng minh nhân dân của chị D để đi làm việc tại Công ty TNHH G Việt Nam và tham gia bảo hiểm xã hội với thời gian từ tháng 9-2019 đến tháng 02-2021. Mặc dù, chị E không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị D, nhưng qua kết quả xác minh anh Phan Văn M1 (là anh ruột của chị E) trình bày chị E có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị D đi làm tại Công ty TNHH G Việt Nam. Đồng thời, Công ty TNHH G Việt Nam cũng xác định là chị D có làm việc tại Công ty TNHH G Việt Nam từ ngày 16-7-2019 đến ngày 13-3-2021. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định chị E mượn giấy chứng minh nhân dân của chị D để đi làm việc tại Công ty TNHH G Việt Nam như chị D đã trình bày. Vì vậy, việc chị E sử dụng thông tin cá nhân của chị D để giao kết hợp đồng lao động với chị E mượn giấy chứng minh nhân dân của chị D để đi làm việc tại Công ty TNHH G Việt Nam từ ngày 16-7-2019 đến ngày 13-3-2021 là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động và các điều 117, 127 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ việc, Bảo hiểm xã hội thị xã B đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị D và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của chị D thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội mang tên chị D tại Công ty TNHH G Việt Nam từ tháng 9-2019 đến tháng 02-2021 và hiện nay chị D vẫn chưa nhận tiền bảo hiểm xã hội với thời gian này.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc chị D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị D (do chị E sử dụng giấy chứng minh nhân dân của chị D để ký kết) với Công ty TNHH G Việt Nam với thời gian từ ngày 16-7-2019 đến ngày 13-3-2021 vô hiệu là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án cần chấp nhận.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Tòa án cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị D là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự nên chị D phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 33, 35, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 127 của Bộ luật Dân sự; các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị D.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Tây Ninh (do chị Phan Thị Út E ký kết) với Công ty TNHH G Việt Nam từ ngày 16-7-2019 đến ngày 13-3-2021 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà chị D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015373 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị D đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CC.THADS thị xã Trảng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Tuấn Anh